

Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam

Phạm Đức Minh¹, Phạm Thị Ngân Hà²

¹ Trường Chính trị tỉnh Hải Dương.

Email: pdminhkt.hd@gmail.com

² Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nhận ngày 28 tháng 6 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Tóm tắt: Tái cơ cấu kinh tế đã được xác định tại Đại hội XI của Đảng, được cụ thể hóa một bước tại Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; và đã được hoạch định cụ thể tại các Đề án có liên quan của Chính phủ, trong đó có Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020. Đến nay, tái cơ cấu kinh tế Việt Nam được thực hiện hơn 8 năm đã tạo ra những chuyển biến quan trọng và rõ nét trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước. Tuy vậy, nền kinh tế vẫn đối mặt với những khó khăn, thách thức, đòi hỏi Chính phủ phải thực hiện những giải pháp mạnh mẽ và quyết liệt hơn.

Từ khóa: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Economic restructuring was defined at the 11th Party Congress, then initially concretised at the 3rd plenum of the Party Central Committee of the tenure; and planned explicitly in the relevant schemes of the Government, including the Overall Scheme of Economic Restructuring Associated with Shifting Growth Model towards Improving Quality, Efficiency and Competitiveness for the 2013-2020 Period. Vietnam's economic restructuring, which has been carried out for more than eight years now, has created important and evident changes in the economic and social domains of the country. However, its economy still faces difficulties and challenges, requiring the Government to implement stronger and more drastic measures.

Keywords: Shifting economic growth model, economic restructuring, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Qua hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hơn 7%/năm, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình thấp. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các lĩnh vực kinh tế đối ngoại như xuất khẩu, thu hút FDI, xuất khẩu lao động, du lịch... được chú trọng phát triển và có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP. Trong lĩnh vực xã hội, Việt Nam là một trong những quốc gia triển khai hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế gắn với xóa đói giảm nghèo. Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những điển hình sử dụng thành công các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho các mục tiêu phát triển xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Việt Nam cũng đứng trước nhiều thách thức to lớn trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như: hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế; kinh tế Việt Nam vẫn ở trình độ gia công; cơ cấu kinh tế Việt Nam thay đổi đáng kể với đóng góp lớn của công nghiệp, nhưng cho đến nay, lợi thế của Việt Nam vẫn là lao động giá rẻ. Trong môi trường cạnh tranh ngày nay, lợi thế này đang giảm nhanh chóng; Việt Nam phải đối phó với một số vấn đề về ổn định kinh tế vĩ mô; tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa bền vững, khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn...

Từ những đòi hỏi cấp thiết của nền kinh tế và phù hợp với xu hướng tái cơ cấu kinh tế thế giới, Việt Nam đã xác định tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng (MHTT) theo hướng bền vững là một trong những trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội. Chủ trương này được cụ thể hóa bởi Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi MHTT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 2/2013 cùng với các Đề án chuyên biệt tái cơ cấu một số lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế. Bài viết này đề cập quan điểm của Đảng về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi MHTT; phân tích thực trạng và đưa ra các giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi MHTT ở Việt Nam.

2. Quan điểm của Đảng về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Trước năm 1986, do chưa thừa nhận sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường, Đảng ta đã xem kế hoạch hóa là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế xã hội chủ nghĩa (XHCN), phân bổ mọi nguồn lực theo kế hoạch là chủ yếu; phủ nhận thị trường hoặc chỉ coi nó là một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch. Kết quả là nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng, mất cân đối nghiêm trọng. Từ thực tiễn đó của nền kinh tế, Đại hội Đảng VI đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế trong nhận thức về tư duy kinh tế, những khiếm khuyết của mô hình kinh tế XHCN tập trung, quan liêu, bao cấp, những sai lầm hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cấp thiết và hết sức cấp bách lúc bấy giờ để đưa đất nước

thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng đã đưa ra chủ trương mang tính bước ngoặt trong quản lý nền kinh tế. Đó là quyết định đổi mới toàn diện nền kinh tế, chuyển nền kinh tế từ tự cung, tự cấp sang nền kinh tế thị trường (KTMT) định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước. Bước đột phá trong chủ trương này là thay đổi cơ chế quản lý kinh tế từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông. Đại hội VI khẳng định: “Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế (CCKT) phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế XHCN, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối, lưu thông và làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội” [2, tr.62].

Quan điểm của Đảng về đổi mới MHTT kinh tế tại Đại hội VI tiếp tục được cụ thể hóa và phát triển tại các đại hội sau đó. Sau 33 năm cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều mặt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm giai đoạn 2001-2010 là 7,26% [2]; GDP theo giá thực tế năm 2011 đã gấp hơn 3,8 lần so với năm 2000; từ năm 2010, nước ta đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp theo xếp hạng của Ngân hàng thế giới. CCKT đã từng bước chuyển đổi tích cực theo hướng hiện đại; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đã được cải thiện đáng kể cả về số lượng và chất lượng; một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao đã hình thành và bước đầu phát triển; đã thu hẹp đáng kể khoảng cách phát triển so với các nền kinh tế khác trong khu vực. Kinh tế vĩ mô trong suốt

thời kỳ cơ bản duy trì ổn định; các cân đối lớn của nền kinh tế nhìn chung vẫn được bảo đảm. Tuy vậy, nền kinh tế nước ta hiện nay đã bộc lộ không ít yếu kém nội tại như: tăng trưởng GDP tuy vẫn ở mức tương đối cao nhưng đang có xu hướng chậm lại; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ cấu lao động còn bất hợp lý; hiệu quả đầu tư và năng suất lao động (NSLĐ) còn thấp; chưa thu hẹp được khoảng cách về NSLĐ so với các nước trong khu vực...

Đại hội Đảng XI đã đề ra chủ trương mới, chuyển đổi MHTT, tái CCKT gắn với thực hiện 3 bước đột phá chiến lược được xác định đã trở thành chủ trương lớn, thu hút toàn bộ hệ thống chính trị cùng vào cuộc. Mục tiêu của việc tái CCKT là thay đổi thể chế, cơ chế, công cụ phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực quốc gia theo MHTT mới với CCKT hợp lý hơn, hiệu quả hơn, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm phát triển bền vững và phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa. Tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới MHTT phải gắn kết hữu cơ với nhau, tác động lẫn nhau, trong đó MHTT có vai trò dẫn dắt, chi phối quá trình tái CCKT. Ngược lại, tái cơ cấu nền kinh tế là điều kiện tiên quyết để đổi mới MHTT. Quan điểm của Đảng thể hiện rõ, việc tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới MHTT phải gắn với thực hiện ba khâu đột phá chiến lược, bao gồm: (1) Hoàn thiện thể chế KTMT định hướng XHCN; (2) phát triển nguồn nhân lực; (3) xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Từ chủ trương đó, hàng loạt chính sách mới được Đảng và Nhà nước ban hành như chính sách tập trung CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; chính sách nhằm thay đổi MHTT gắn với ba khâu đột phá

chiến lược nhằm hoàn thiện mô hình nền KTTT định hướng XHCN.

Đại hội Đảng XII xác định đổi mới MHTT trong thời gian tới: "... kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh..." [2, tr.87]; đồng thời, cũng nhấn mạnh việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược do Đại hội XI của Đảng đề ra, trong đó, tập trung nhất là "đột phá về thể chế KTTT định hướng XHCN, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực" [2, tr.89].

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2012 về "Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015". Ngày 19 tháng 02 năm 2013, Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg về việc phê duyệt "Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi MHTT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020".

3. Thành tựu tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế thể hiện rõ xu thế phục hồi, duy trì ở mức khá, chất lượng được cải thiện và kinh tế vĩ mô tương đối ổn định.

Tăng trưởng kinh tế giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990) bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4%, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua gần 20 năm với mức tăng trưởng rất ấn tượng (Giai đoạn 1991-1995 GDP bình

quân tăng 8,2%/năm gấp đôi so với 5 năm trước đó; giai đoạn 5 năm tiếp theo 1996-2000, mặc dù cùng chịu tác động của khủng hoảng tài chính khu vực (1997-1999), GDP vẫn duy trì bình quân tăng 7,6%/năm; giai đoạn 2001-2005, GDP tăng bình quân 7,34%/năm; giai đoạn 2006-2010, kinh tế thế giới suy giảm, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,32%/năm. Do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và khủng hoảng nợ công 2010, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam tuy đã chậm lại nhưng vẫn đạt 5,9%/năm, là mức cao của khu vực và thế giới; giai đoạn 2016-2018 đạt bình quân 6,57%/năm.

Từ những năm 2010, Việt Nam đã thoát khỏi nhóm nước chậm phát triển và bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp (1.168 USD/người) đến năm 2018 đạt 2.587 USD/người. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, năm 2011 đạt 133,3 tỷ USD đến năm 2015 đạt 193,4 tỷ và năm 2018 đạt trên 240,5 tỷ USD.

Lực lượng sản xuất có nhiều tiến bộ, chất lượng tăng trưởng có mặt được cải thiện, trình độ công nghệ sản xuất có bước được nâng lên. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng nếu ở giai đoạn 2001-2005 chỉ đạt 21,4%, giai đoạn 2006-2010 đạt 17,2%. Tuy nhiên, theo đánh giá của Tổng cục Thống kê (GSO), năm 2018 đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 43,50%, bình quân 3 năm 2016-2018 đạt 43,29%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015 [2]. Bình quân 3 năm 2016-2018 NSLĐ tăng 5,62%, cao hơn so với mức tăng bình quân 4,3%/năm của giai đoạn 2011-2015 và vượt mục tiêu tăng bình quân

5%/năm trong 5 năm 2016-2020. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát.

Thứ hai, cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại.

Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm khu vực nông nghiệp, tăng khu vực dịch vụ và công nghiệp. Khi bắt đầu đổi mới cơ cấu các ngành nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ có tỷ lệ tương ứng trong GDP là 38,06%-28,88%-33,06% đến năm 2011 (khi bắt đầu chiến lược kinh tế giai đoạn 2011-2020 và đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới MHDT, CCKT ngành có sự chuyển dịch nhanh 19,57%-32,24%-36,73% đến năm 2015 dịch chuyển là 17%-33,25%-39,73% và đến năm 2018 là 14,57%-34,28%-41,17%.

Sự chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông nghiệp đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội nông thôn, mà biểu hiện rõ nhất là thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn theo hướng ngày càng tăng thêm các hộ làm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong khi số hộ làm nông nghiệp thuần túy giảm dần. Đối với công nghiệp, cơ cấu ngành và cơ cấu sản phẩm đang có sự thay đổi để phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường.

Tỷ trọng trong GDP của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 13,4% năm 2011 lên 16,0% năm 2018, trong khi đó, tỷ trọng của nhóm ngành khai khoáng giảm từ 9,9% năm 2011 xuống 7,4% năm 2018. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã trở thành đầu tàu phát triển với mức tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp trong các năm gần đây, từ 11,3% năm 2016 lên 12,3% năm 2018.

Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình

thức sở hữu. Cụ thể, nếu như năm 2005 kinh tế nhà nước chiếm 37,62%/GDP đến năm 2017 chỉ chiếm 28,63%, trong khi đó kinh tế có vốn nước ngoài tăng từ 15,16% lên 19,63% và kinh tế ngoài nhà nước khẳng định vị trí động lực quan trọng của nền kinh tế.

Cơ cấu lao động có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch CCKT. Số lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng, trong khi số lao động ngành nông nghiệp ngày càng giảm. Nếu như năm 1986 lao động phi nông nghiệp chỉ chiếm 26,07% đến năm 2011 là 41,52% thì đến hết năm 2018 tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 63,5% và lao động nông nghiệp chỉ còn 36,5%.

Thứ ba, tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng cải thiện dần, cơ cấu đầu tư ngày càng đi vào thực chất và đúng theo hướng “coi nội lực là yếu tố quyết định, ngoại lực là yếu tố quan trọng”.

Mặc dù chịu sự tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu và nợ công, về cơ bản vốn đầu tư thực hiện/GDP đạt và vượt mục tiêu đề ra (duy trì ở ngưỡng 33%/GDP. Trong đó, đầu tư của kinh tế nhà nước chiếm 40,3% năm 2012 giảm xuống còn 33,3% năm 2018 và tốc độ tăng trưởng của dòng vốn cũng có xu hướng giảm dần; đầu tư của kinh tế ngoài nhà nước tăng trưởng mạnh và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư (năm 2018 chiếm 43,3%). Hệ số ICOR từng bước được cải thiện nhưng chưa ổn định.

Nếu như trước năm 2011, chủ trương “đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả” gần như chưa đạt được trong thực tiễn, thì sau năm 2011 xuất khẩu tăng nhanh trong khi nhập khẩu được kiểm chế,

hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng nên cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt (năm 2018 xuất siêu trên 7,2 tỷ USD). Về cơ cấu xuất khẩu, tỷ trọng các mặt hàng thô và mới sơ chế giảm mạnh trong khi đó tỷ trọng mặt hàng tinh chế tăng lên đáng kể trong cơ cấu xuất khẩu.

Nếu như năm 2011, Việt Nam có 21 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 81% tổng kim ngạch xuất khẩu; đến năm 2018 là 29 mặt hàng (trong đó có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD và 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD), chiếm 91,67% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng, từ 63,46% vào năm 2011 lên 82,84% năm 2018, trong khi nhóm nhiên liệu, khoáng sản giảm từ 11,6%, năm 2011 xuống còn 1,9% năm 2018.

Độ mở thương mại của quốc gia hiện nay đạt khoảng 200% GDP. Thành tích xuất khẩu của Việt Nam trên bảng xếp hạng về thành tích xuất khẩu toàn cầu với vị trí 26 vào năm 2017 trong số các quốc gia có thành tích xuất khẩu lớn nhất thế giới (từ vị trí thứ 50 vào năm 2010). Một số thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam hiện nay, như: Mỹ đạt 47,5 tỷ USD năm 2018 (tăng 14,2% so với 2017), EU đạt 42,5 tỷ USD (tăng 11%), Trung Quốc đạt 41,9 tỷ USD (tăng 18,5%), ASEAN đạt 24,7 tỷ USD (tăng 13,7%), Nhật Bản đạt 19 tỷ USD (12,9%), Hàn Quốc đạt 18,3 tỷ USD (tăng 23,2%)...

Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007, tới nay Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 12 FTA đã có hiệu lực, 01 FTA Việt Nam - EU đã ký nhưng chưa có hiệu lực và

03 FTA đang đàm phán. Các FTA này đã và đang mở rộng cánh cửa thị trường cho Việt Nam với hơn 60 nền kinh tế, trong đó có gần hết các nước G20, là cơ hội để Việt Nam kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Có thể nói, Việt Nam đã trở thành một cửa ngõ quan trọng bậc nhất thế giới khi giờ đây đầu tư vào Việt Nam là có thể tiếp cận được với hầu hết các thị trường lớn của thế giới.

4. Hạn chế của tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Thứ nhất, mô hình tăng trưởng chưa thay đổi thực sự rõ nét và bền vững, mặc dù biến động cùng chiều của GDP và NSLĐ thể hiện vai trò của NSLĐ là động lực chính tác động tới tăng trưởng kinh tế. Tăng NSLĐ vẫn thấp hơn so với tăng trưởng kinh tế cho thấy tăng trưởng đang phụ thuộc lớn vào sự gia tăng nhân tố vốn. Trong khi đó, tăng NSLĐ thời gian qua chủ yếu do tăng cường độ vốn, đóng góp của TFP vào tăng trưởng NSLĐ còn thấp và chưa bền vững. Cơ cấu các nguồn lực, đặc biệt bao gồm lao động, vốn và tài nguyên, chưa được dịch chuyển mạnh đến các ngành và khu vực kinh tế có NSLĐ và hiệu quả cao. Nền kinh tế tiếp tục có nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” và có nguy cơ tụt hậu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ hai, cơ cấu lại nền kinh tế chưa đạt được tiến bộ mạnh mẽ trong lĩnh vực hoàn thiện thể chế KTTT. Môi trường kinh doanh được cải thiện chủ yếu ở lĩnh vực điều kiện gia nhập thị trường. Hệ sinh thái hỗ trợ, nuôi dưỡng doanh nghiệp phát triển, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân chưa có nhiều tiến bộ. Khu vực doanh nghiệp tư

nhân, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn yếu thế trong quá trình phân bổ nguồn lực vật chất so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI. Những bất cập thể chế về đất đai, quyền tài sản bao gồm giao dịch đảm bảo, xử lý tài sản thế chấp, thủ tục phá sản... còn chậm được giải quyết. Đây vẫn là những trở ngại lớn cản trở lực lượng sản xuất phát triển.

Thứ ba, tăng trưởng ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (mục tiêu, định hướng cần giảm, nhưng thực tế chưa giảm mà có xu hướng tăng). Nền kinh tế tiếp tục có độ mở cửa rất cao đo bằng tỷ lệ xuất nhập khẩu trên GDP (khoảng gấp 2 lần). Vốn đầu tư khu vực FDI năm 2011 chiếm 24,5% tổng vốn đầu tư xã hội đến năm 2018 là 23,4%; năm 2011, khu vực FDI chiếm 54,8% tổng kim ngạch xuất khẩu và 45,2% tổng kim ngạch nhập khẩu, đến năm 2018 các tỷ lệ này tăng lên 71,7% và 60,1%. Tính riêng năm 2018, xuất siêu 7,2 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 25,6 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 32,8 tỷ USD. Việt Nam tiếp tục nhập siêu từ các nước trong khu vực Đông Á và duy trì xuất siêu đối với thị trường Hoa Kỳ và EU.

Thứ tư, việc thực hiện 3 trọng tâm tái cơ cấu nền kinh tế chưa đạt được mục tiêu đề ra: (1) Cơ cấu đầu tư chậm thay đổi, tình trạng lãng phí, thất thoát còn phức tạp và hiệu quả đầu tư còn thấp so với yêu cầu; (2) Tái cơ cấu doanh nghiệp tiến triển chậm và thiếu thực chất, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa gắn chặt với tái cơ cấu và đa dạng hóa sở hữu, vai trò trực tiếp kinh doanh của Nhà nước vẫn còn lớn so với thông lệ quốc tế trong nhiều ngành, lĩnh vực; (3) Tái cơ cấu hệ thống tài chính còn

nhiều vướng mắc, thay đổi về cơ cấu thị trường diễn ra chậm. Một số yếu kém có tính hệ thống và dài hạn chưa được giải quyết cơ bản, nợ xấu, sở hữu chéo và quản trị ngân hàng chưa được giải quyết một cách thực chất.

Thứ năm, thực hiện tái cơ cấu các ngành kinh tế chưa tạo ra được sự thay đổi tích cực đủ lớn trong cơ cấu kinh tế giữa các ngành, nội ngành: tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tiến triển chậm so với yêu cầu hội nhập và thích nghi với biến đổi khí hậu; tái cơ cấu công nghiệp và dịch vụ chưa thay đổi cơ bản theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tái cơ cấu vùng kinh tế chưa đi vào thực chất, chưa tuân thủ các nguyên tắc thị trường trong liên kết vùng: không gian phát triển còn bị chia cắt theo địa giới hành chính, thiếu thể chế tạo liên kết giữa các địa phương và giữa các vùng để phát huy cao nhất tiềm năng.

Những hạn chế của quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới MHTT thời gian qua do nhiều nguyên nhân khác nhau (khách quan và chủ quan). Tuy nhiên, nguyên nhân chủ quan về việc tổ chức thực hiện chưa đủ mức toàn diện và quyết liệt của các cấp, các ngành và các địa phương là quan trọng hàng đầu.

5. Giải pháp đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Thứ nhất, cần nhận thức rõ hơn về ý nghĩa, tầm quan trọng của quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới MHTT. Đây là chủ trương đổi mới toàn diện kinh tế, với yêu cầu cao hơn. Đồng thời, cần xác định các trọng tâm ưu tiên với lộ trình cụ thể theo hướng quyết

liệt hơn, hiệu quả và thực chất hơn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới MHTT, nâng cao NSLĐ, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020; và các văn bản có liên quan xác định 59 mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới MHTT cần hoàn thành đến năm 2020. Phải coi đây là một trọng tâm ưu tiên hàng đầu trong công tác điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương. Căn cứ vào tiến độ thực hiện và khả năng hoàn thành các mục tiêu cần tăng cường đôn đốc, chỉ đạo và đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp cụ thể được thể hiện trong Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện 2 Nghị quyết số 05 và 24. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào điều kiện thực tiễn, những vấn đề tồn tại hạn chế tìm phương án khắc phục và tổ chức triển khai quyết liệt và hiệu quả hơn, đề xuất các giải pháp sáng tạo và đột phá. Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên mục tiêu trung và dài hạn, chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, cần coi những vấn đề được xác định trong các Nghị quyết số 05 và 24... không đơn thuần chỉ dừng lại tới năm 2020 mà cần coi vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới

MHTT là một quá trình với những yêu cầu ngày càng cao hơn.

Thứ hai, cần nghiên cứu, xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới MHTT, trên cơ sở tham khảo các thông lệ tốt của thế giới. Trong đó tập trung vào các nhóm tiêu chí chính như: đánh giá chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh; cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước; chỉ tiêu về cơ cấu lại thị trường tài chính; về cơ cấu lại ngành kinh tế, vùng kinh tế; về thể chế kinh tế thị trường các nhân tố sản xuất (lao động, khoa học và công nghệ và đất đai)... Đồng thời, coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, tăng cường giám sát theo các nhóm nhiệm vụ trọng tâm.

Thứ ba, thường xuyên tiến hành rà soát đánh giá về các rào cản luật pháp trong một số lĩnh vực trọng tâm của cơ cấu lại nền kinh tế. Đặc biệt là luật pháp liên quan tới quan hệ đất đai; chính sách phát triển các ngành kinh tế, các chương trình phát triển ngành với các mục tiêu và lộ trình định hướng cụ thể về gia tăng năng suất và định vị trong chuỗi giá trị toàn cầu; sắp xếp, tổ chức và điều phối lại các chính sách hỗ trợ phân tán và thiếu hiệu quả đối với phát triển ngành nhằm hướng đến các mục tiêu phát triển ngành một cách cụ thể, thiết thực hơn, tăng cường tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện.

Thứ tư, cần tập trung hơn nữa nhằm giải quyết một số vấn đề trọng tâm như tập trung tái cơ cấu đầu tư công, các tổ chức tín dụng, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Hiện nay, khó khăn lớn nhất trong tái cơ cấu đầu tư công là sự mất cân đối rất lớn giữa nhu cầu vốn có thể cân đối và nhu cầu đầu tư, nhất là của các địa phương. Nhiều dự án đầu tư, kể cả trong các lĩnh vực ưu

tiền đầu tư như kết cấu hạ tầng giao thông, vẫn phải bị cắt giảm, đình hoãn; nhiều tuyến đường dở dang, xuống cấp... vẫn chưa cân đối được vốn để thực hiện do còn có những nhu cầu khác cấp bách hơn, quan trọng hơn. Do vậy, trong thời gian tới tiếp tục cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết, thực hành tiết kiệm chi góp phần huy động vốn cho đầu tư phát triển của xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa vấn đề cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng để đến năm 2020 phát triển được hệ thống các tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng về sở hữu, quy mô và loại hình.

Đẩy nhanh việc sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các lĩnh vực chính gồm công nghiệp quốc phòng, các ngành, lĩnh vực công nghiệp độc quyền tự nhiên hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ cao có sức lan tỏa lớn; đẩy mạnh cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu các doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư và ngành nghề kinh doanh, tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính; đẩy nhanh thực hiện theo nguyên tắc thị trường việc thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào các ngành không phải kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan đến ngành kinh doanh chính và vốn nhà nước ở các công ty cổ phần mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối.

6. Kết luận

Quá trình tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam sẽ phải tiến hành

trong nhiều năm với không ít khó khăn và thách thức. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tiến trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi MHTT theo hướng bền vững sẽ tiếp tục được triển khai trong thời gian tới. Vấn đề đặt ra là, Việt Nam phải kiên trì thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi MHTT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm nền kinh tế theo hướng phát triển nhanh và bền vững, hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính Phủ (2012), *Báo cáo số 110/BC-CP ngày 17/5/2013 về Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh*, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng TW Đảng, Hà Nội.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 339/QĐ - TTg về Phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020*, Hà Nội.
- [6] <https://vnexpress.net/longform/mot-nam-kinh-te-nhieu-ky-luc-3861228.html>

